

Số: /201 /TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm...

Dự thảo

THÔNG TƯ
Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin
của Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 6 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Truyền thông Ngân hàng Nhà nước;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc công bố và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), bao gồm phát ngôn, cung cấp thông tin cho các phương tiện truyền thông; cho cơ quan, tổ chức và cá nhân khác.

2. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm quản lý thông tin và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của NHNN để đảm bảo tính minh bạch thông tin, an ninh, an toàn hệ thống. Việc cung cấp thông tin của các tổ chức tín dụng liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

cung cấp thông tin của các tổ chức tín dụng liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Việc cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước đến các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật phòng, chống rửa tiền được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm và pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Các đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cá nhân thuộc ngành Ngân hàng có liên quan đến việc phát ngôn và cung cấp thông tin.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương II PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG

Điều 3. Người phát ngôn và cung cấp thông tin

1. Người phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước gồm:

- a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc);
- b) Người được Thống đốc ủy quyền phát ngôn trong từng trường hợp cụ thể (sau đây gọi là Người được ủy quyền phát ngôn).

2. Công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước không phải Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn thì không được nhân danh Ngân hàng Nhà nước khi phát ngôn và cung cấp thông tin.

Điều 4. Nội dung thông tin cung cấp định kỳ

1. Chủ trương, chính sách, pháp luật về chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng (sau đây gọi là tiền tệ và ngân hàng);

2. Quyết định điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và ngân hàng;

3. Thông tin, số liệu, tình hình diễn biến về tiền tệ và ngân hàng;

4. Thông tin liên quan đến việc thành lập, mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể, thu hồi giấy phép, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép, chấp thuận mở rộng mạng lưới tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.

5. Thông tin về hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

6. Thông tin về hoạt động và tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước do Ngân hàng Nhà nước là đại diện vốn chủ sở hữu.

7. Các nội dung khác khi có quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật hiện hành

Điều 5. Hình thức cung cấp thông tin

1. Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước (*trên trang tiếng Việt và tiếng nước ngoài*);

a) Nội dung thông tin, định kỳ và thời hạn cung cấp, thẩm quyền duyệt đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này;

b) Quy trình cập nhật, đăng tải, quản lý thông tin trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy chế tổ chức, quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức họp báo;

3. Phát ngôn trực tiếp hoặc trả lời phỏng vấn;

4. Gửi thông cáo báo chí, nội dung trả lời bằng văn bản hoặc qua thư điện tử;

5. Các hình thức cung cấp thông tin khác theo quy định.

Điều 6. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất

1. Đối với nội dung thông tin liên quan đến nhiều Bộ, ngành, Cơ quan ngang Bộ, nhiều tỉnh, thành phố, được Chính phủ giao chủ trì xử lý, Người phát ngôn của Ngân hàng Nhà nước thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin trong quá trình xử lý sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

2. Người phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác trong các trường hợp đột xuất sau:

a) Khi thấy cần thiết phải thông tin trên các phương tiện truyền thông về các sự kiện, vấn đề thuộc lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng có tác động lớn trong xã hội;

b) Khi các cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước về truyền thông có yêu cầu phát ngôn hoặc cung cấp thông tin về các sự kiện, vấn đề của Ngân hàng Nhà nước, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước đã được nêu trên các phương tiện truyền thông hoặc về các sự kiện, vấn đề nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Khi có căn cứ cho rằng thông tin đăng tải chưa chính xác về lĩnh vực do Ngân hàng Nhà nước quản lý, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc phản hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin

1. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về nội dung thông tin do mình phát ngôn và cung cấp quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Thông tư này;

b) Có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan thu thập, cung cấp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, bất thường theo quy định của Thông tư này;

c) Có quyền từ chối cung cấp thông tin trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Báo chí.

2. Vụ Truyền thông có trách nhiệm:

a) Xây dựng, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động truyền thông thuộc chức năng quản lý của NHNN; Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện;

b) Xây dựng, trình Thống đốc phê duyệt các chiến lược, dự án, chương trình, kế hoạch truyền thông toàn ngành Ngân hàng; Tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Đầu mối tổ chức thực hiện quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin của NHNN; Đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc NHNN cung cấp thông tin có tính chất truyền thông về tiền tệ, hoạt động ngân hàng theo quy định;

d) Làm đầu mối tổ chức các cuộc họp báo của Ngân hàng Nhà nước, hội nghị giao ban báo chí ngành Ngân hàng; Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung các cuộc họp báo khác có liên quan;

e) Tổng hợp thông tin từ báo chí, dư luận và các nguồn thông tin khác liên quan đến tiền tệ và ngân hàng, kịp thời báo cáo, tham mưu cho Thống đốc các biện pháp giải quyết; Đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết các nội dung thông tin ảnh hưởng đến niềm tin của công chúng; an toàn hệ thống ngân hàng và chính sách tiền tệ quốc gia;

f) Đầu mối thực hiện phản hồi ý kiến của NHNN theo đúng quy định của pháp luật trong trường hợp thông tin cung cấp đãng, phát không chính xác;

g) Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước giúp Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này;

h) Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, định hướng điều hành về chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng cho các đơn vị báo chí trong Ngành; phối hợp với các đơn vị báo chí trong Ngành xử lý các vấn đề phát sinh về hoạt động truyền thông của các đơn vị báo chí trong Ngành;

i) Phối hợp các đơn vị liên quan thuộc ngành Ngân hàng trong việc tổ chức xuất bản và phát hành các tài liệu truyền thông, ấn phẩm liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ hoặc có tác động đến hệ thống ngân hàng theo quy định của pháp luật;

k) Có trách nhiệm tổ chức biên tập, đăng tải thông tin do Ngân hàng Nhà nước cung cấp theo quy định của Thông tư này trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.

3. Các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Vụ Truyền thông cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này và chỉ đạo của Thống đốc để phục vụ việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước; chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của thông tin cung cấp;

b) Trong quá trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, phối hợp với Vụ Truyền thông tham mưu, đề xuất các vấn đề, nội dung để cung cấp thông tin cho công chúng theo đúng quy định của pháp luật;

c) Tuân thủ các quy định tại Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử NHNN trong việc đăng tải thông tin lên Cổng thông tin điện tử NHNN. Trong trường hợp đã được phân quyền cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử NHNN, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của thông tin cung cấp.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Vụ Truyền thông trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin trên các phương tiện truyền thông; Khi nhận được đề nghị cung cấp thông tin của các phương tiện truyền thông liên quan đến các cơ chế, chính sách và hoạt động của Ngành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm thông tin kịp thời và phối hợp với Vụ Truyền thông Ngân hàng Nhà nước để đảm bảo thông tin một cách đầy đủ, chính xác và minh bạch theo đúng quy định.

b) Chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành trong việc vận hành và quản lý các Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (nếu có).

5. Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước do Ngân hàng Nhà nước là đại diện vốn chủ sở hữu, các tổ chức tín dụng có trách nhiệm phối hợp với Vụ Truyền thông cung cấp thông tin liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng và những thông tin khác có tác động ảnh hưởng đến an toàn, uy tín hệ thống trên các phương tiện truyền thông để đảm bảo tính chính xác, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.

Chương III

CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC

Điều 8. Đối tượng được cung cấp thông tin

1. Cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật hoặc theo quy chế phối hợp công tác giữa Ngân hàng Nhà nước với các cơ quan này.

2. Các tổ chức quốc tế mà Chính phủ Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước có cam kết cung cấp thông tin, Chính phủ các nước theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định.

Điều 9. Phạm vi thông tin cung cấp

Phạm vi thông tin cung cấp là các thông tin về tiền tệ và ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật hiện hành.

Điều 10. Thẩm quyền cung cấp thông tin

1. Thống đốc là người có thẩm quyền quyết định việc cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 8 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này.

2. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 8 Thông tư này theo chỉ đạo hoặc ủy quyền của Thống đốc.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quyết định việc cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định;

b) Cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn theo chỉ đạo của Thống đốc.

4. Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước do Ngân hàng Nhà nước là đại diện vốn chủ sở hữu, các TCTD phối hợp với Văn phòng Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, những thông tin có tính chất ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Hình thức cung cấp thông tin

1) Thống đốc quyết định hình thức cung cấp thông tin và giao một đơn vị làm đầu mối cung cấp thông tin;

2) Đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung, trình Thống đốc duyệt để gửi đối tượng được cung cấp thông tin.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cá nhân thuộc ngành Ngân hàng được giao cung cấp thông tin, làm đầu mối cung cấp thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về thông tin đã cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo đảm bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước

Việc cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm báo cáo

Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm gửi báo cáo cho Vụ Truyền thông trước ngày 15 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 15 tháng 12 (đối với báo cáo năm) để tổng hợp, trình Thống đốc.

Trường hợp phát sinh các sự việc đột xuất, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm gửi báo cáo cho Vụ Truyền thông sau khi sự việc kết thúc để báo cáo Thống đốc.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... / ... /201..
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 48/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Truyền thông làm đầu mối hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này và tổng hợp, báo cáo Thống đốc.

2. Xử lý vi phạm

Các đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cá nhân thuộc ngành Ngân hàng có liên quan đến việc phát ngôn và cung cấp thông tin không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định trong Thông tư này sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên),

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Các đơn vị thuộc NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (2 bản);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, PC.

THÔNG ĐỌC

**CÁC THÔNG TIN VỀ TIỀN TỆ VÀ NGÂN HÀNG CUNG CẤP TRÊN
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-NHNN ngày tháng năm
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mới cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
I	Chủ trương, chính sách pháp luật về tiền tệ và ngân hàng			
1	Nội dung văn bản	Vụ Pháp chế	Khi phát sinh	Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Thông cáo báo chí	Đơn vị soạn thảo văn bản QPPL	Khi phát sinh	
II	Quyết định điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và ngân hàng			
1	Chủ trương, định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và ngân hàng	Vụ Truyền thông	6 tháng, năm hoặc khi có điều chỉnh, thay đổi	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định	Vụ Chính sách tiền tệ	Khi thay đổi	Trước 9h ngày hiệu lực
3	Tỷ giá trung tâm	Vụ Chính sách tiền tệ	Hàng ngày	
4	Quyết định điều hành khác của Thống đốc về tiền tệ và ngân hàng	Đơn vị soạn thảo văn bản	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
III	Thông báo liên quan đến thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng			
1	Thành lập, mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể, thu hồi giấy phép, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép của tổ chức tín dụng, chi	Vụ Truyền thông	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành quyết định

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
	nhánh ngân hàng nước ngoài, Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam			
2	Chấp thuận mở rộng mạng lưới của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Vụ Truyền thông	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
3	Thông tin về hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam	Cơ quan thanh tra giám sát	Hàng quý	Trong vòng 10 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
IV	Tình hình diễn biến tiền tệ và hoạt động ngân hàng			
1	Diễn biến lãi suất của tổ chức tín dụng đối với khách hàng	Vụ Chính sách tiền tệ	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
2	Diễn biến lãi suất bình quân trên thị trường liên ngân hàng	Sở Giao dịch	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
3	Kết quả hoạt động của thị trường liên ngân hàng	Sở Giao dịch	Hàng ngày	Trước 9h ngày làm việc thứ hai kể từ ngày thị trường giao dịch
4	Kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở	Sở giao dịch	Từng phiên	Ngày sau khi có kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở
5	Kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc	Sở giao dịch	Từng phiên	Ngày sau khi có kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc
6	Tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác để xác định giá tính thuế	Vụ Chính sách tiền tệ	Thứ năm hàng tuần (hoặc ngày làm việc liên trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày nghỉ,	Trước 9h ngày hiệu lực đầu tiên

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cập nhật	Định kỳ cung cấp (ngày/lần)	Thời hạn cung cấp
7	Tỷ giá Sờ giao dịch Ngân hàng Nhà nước	Sờ giao dịch	Hàng ngày	Trước 10h ngày hiệu lực
8	Kết quả mua bán vàng miếng	Sờ giao dịch	Khi phát sinh	Ngay sau khi có kết quả
9	Diễn biến thị trường ngoại tệ	Vụ Chính sách tiền tệ	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
10	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Tháng/quý/năm	Theo quy định của Luật Thống kê và văn bản hướng dẫn Luật Thống kê - Đối với kỳ báo cáo tháng và tháng cuối quý (tháng 3, 6, 9): Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo - Đối với kỳ báo cáo tháng 12 hàng năm: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo
11	Tỷ trọng tiền mặt trong lưu thông trên tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Hàng tháng	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
12	Cán cân thanh toán quốc tế	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Quý/Năm	Theo quy định của Luật Thống kê và văn bản hướng dẫn Luật Thống kê Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
13	Tốc độ tăng trưởng và số dư tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tín dụng (chi tiết theo tổ chức kinh tế và dân cư)	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Tháng/quý/năm	Theo quy định của Luật Thống kê và văn bản hướng dẫn Luật Thống kê

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
				<ul style="list-style-type: none"> - Đối với kỳ báo cáo tháng và tháng cuối quý (tháng 3, 6, 9): Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo - Đối với kỳ báo cáo tháng 12 hàng năm: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo
14	Tốc độ tăng trưởng và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế (chỉ tiết theo ngành kinh tế)	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Tháng/quý/năm	<p>Theo quy định của Luật Thống kê và văn bản hướng dẫn Luật Thống kê</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với kỳ báo cáo tháng và tháng cuối quý (tháng 3, 6, 9): Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo - Đối với kỳ báo cáo tháng 12 hàng năm: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo
15	Tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế	Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng	Hàng quý	45 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
16	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn điều lệ (chỉ tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
17	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn tự có (chỉ tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
		ngân hàng		
18	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng tài sản có (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
19	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
20	Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Vụ Dự báo Thống kê tiền tệ	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo. Riêng số liệu kỳ tháng 12 hàng năm, thời hạn công bố trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo.
21	Tỷ lệ vốn ngân hàng cho vay trung, dài hạn (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo. Riêng số liệu tháng 12 hàng năm, thời hạn công bố là 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
22	Hệ số ROA - Lợi nhuận trên Tổng tài sản (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Quý I, II, III Cả năm	50 ngày kể từ ngày kết thúc quý báo cáo 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
23	Hệ số ROE - Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Quý I, II, III Cả năm	50 ngày kể từ ngày kết thúc quý báo cáo 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
24	Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch của hệ thống	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
	thanh toán điện tử liên ngân hàng (phân theo tiêu hệ thống thanh toán giá trị cao và tiêu hệ thống thanh toán giá trị thấp)			khi kết thúc quý báo cáo
25	Số lượng ATM, POS/EFPOS/EDC; số lượng giao dịch và giá trị giao dịch qua ATM, POS/EFPOS/EDC	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
26	Số lượng thẻ đã phát hành; Số lượng thẻ đang lưu hành (phân theo phạm vi và nguồn tài chính)	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
27	Số lượng giao dịch và giá trị giao dịch thanh toán nội địa được thực hiện bằng thẻ ngân hàng và các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt khác	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
28	Tổng số lượng và tổng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
29	Danh sách các tổ chức không phải là ngân hàng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán	Khi có thay đổi	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi cấp giấy phép/văn bản chấp thuận
30	Kết quả điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng	Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ	Khi có kết quả điều tra	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết quả điều tra được phê duyệt
31	Báo cáo phân tích, đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô, điều hành của Ngân hàng Nhà nước và diễn biến tiền tệ, ngân hàng.	Văn phòng	Hàng quý, 6 tháng, năm	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo
32	Dự trữ ngoại hối mua vào ròng dương	Vụ Quản lý ngoại hối	6 tháng	Trong vòng 180 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
33	Báo cáo Đoàn Điều IV của Quỹ Tiền tệ quốc tế	Vụ Hợp tác quốc tế	Hàng năm	Trong vòng 30 ngày kể từ khi hoàn thiện Báo cáo
34	Giá trị xuất nhập khẩu theo quý tính theo tỷ lệ GDP	Vụ Dự báo thống kê	Hàng quý	90 ngày sau kỳ báo cáo
35	Các thông tin về hoạt động và tài chính của ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại có vốn nhà nước do Ngân hàng Nhà nước là đại diện vốn chủ sở hữu	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Theo quy định	Theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP và Nghị định số 87/2015/NĐ-CP
36	Các thông tin về hoạt động và tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ngân hàng Nhà nước là đại diện vốn chủ sở hữu	Vụ Tài chính – Kế toán	Theo quy định	Theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP và Nghị định số 87/2015/NĐ-CP
37	Công khai ngân sách	Vụ Tài chính kế toán		Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.